

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 464/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 17 về chủ trương đầu tư Dự án khu điều trị số 1, Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 296/BQL-KTTĐ ngày 20/3/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: Khu điều trị số 1, bệnh viện Phụ sản tỉnh Thanh Hóa tại số 183 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 718/TTr-STNMT ngày 02 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ tại: Tầng 3 trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu điều trị số 1, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu điều trị số 1, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa

1.2. Địa điểm hoạt động: số 183 Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng

Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá

1.3. Quyết định số 4099/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa. Mã số thuế: 2802446297

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích thực hiện dự án: 21.473,04 m².

- Công suất: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và

phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Bàn giao công trình bảo vệ môi trường cho Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 10 tháng 5 năm 2024 đến ngày 10 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Ban QLDA đầu tư xây dựng các CTDD&CN;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và y tế của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và cán bộ y bác sĩ làm việc tại bệnh viện từ khu nhà điều trị số 1 có lưu lượng lớn nhất là 111,2 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh thiết bị thu gom, khu lưu giữ chất thải rắn có lưu lượng lớn nhất là 0,68 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của bệnh viện sau khi xử lý được thải ra hệ thống mương thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa (dọc theo đường Đại lộ CSEDP phía Bắc bệnh viện).

2.2. Vị trí xả thải:

- 01 dòng thải từ các nguồn số 01 đến nguồn số 03 thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí điểm xả thải: mương thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa (dọc theo đường Đại lộ CSEDP phía Bắc bệnh viện). Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰: X = 2187445; Y = 580634 (m);

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 111,88 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K =1,0). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
----	--------------	-------------	---------------------------	----------------------------	-----------------------------

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS ₀)	mg/l	100		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
7	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	10		
8	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng Colifoms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

* **Ghi chú:** “KPH”: Không phát hiện được

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và y tế của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và cán bộ y bác sĩ làm việc tại bệnh viện từ khối khu nhà điều trị số 1.

+ Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ...: Thu gom bằng đường ống PVC Φ90 lắp đặt trong tòa nhà, sau đó theo đường ống D300 dẫn về HTXLNT tập trung.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: Thu gom bằng đường ống PVC Φ90 về 04 bể tự hoại 03 ngăn (xây ngầm dưới khu nhà điều trị số 1, thể tích V = 25 m³/bể) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường cống D300 dẫn về HTXLNT tập trung.

+ Nước thải y tế phát sinh từ các phòng phẫu thuật, xét nghiệm thu gom bằng đường ống PVC Φ90 về bể thu gom (có sử dụng hóa chất...), sau đó theo hệ thống đường cống D300 về hệ thống XLNT tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải từ vệ sinh thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn:

Nước thải từ quá trình vệ sinh thùng chứa, xe đẩy rác, vệ sinh khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt... thu gom vào đường cống PVC D110 đầu nối vào đường ống thoát nước thải D300 về về hệ thống XLNT tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xây mới hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm:
 + Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể hiếu khí (Màng lọc MBR) → Bể khử trùng → Mương thoát nước thải chung của thành phố (Dọc theo đường Đại lộ CSEDP phía Bắc bệnh viện).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, chế phẩm vi sinh (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Kiểm tra, khắc phục sự cố kịp thời; nước thải sẽ được bơm quay về bể thu gom, bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường (bơm nước thải được lắp đặt là bơm một chiều).

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: Thay thế thiết bị, đường ống bị hư hỏng; dẫn nước thải từ dự án về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng của bệnh viện công suất 250 m³/ngày.đêm (bằng đường ống dự phòng) để tiếp tục xử lý trong thời gian khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải của dự án.

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Nước thải tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống XLNT tập trung;

+ NT2: Nước thải sau bể khử trùng của hệ thống XLNT tập trung.

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa có trách nhiệm thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện và vận hành hệ thống xử lý nước thải hiện trạng (250m³/ngày.đêm) trong thời gian Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa xây dựng các hạng mục công trình của bệnh viện./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Mùi, khí thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (lưu lượng không xác định).

2. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường, xả liên tục 24/24.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

3.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được thoát trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường.

3.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

3.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:

1. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí tại nguồn số 01: Tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3⁰): Tọa độ X=2187498; Y=580490 (m);

- Vị trí tại nguồn số 02: Tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3⁰): X=2187451; Y=580588 (m);

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	182,5
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	13.140
3	Hóa chất dùng trong xét nghiệm thải (Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại)	13 01 02	182,5
4	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	547,5
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	182,5
6	Vỏ đựng hóa chất tẩy rửa (Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại)	16 01 10	182,5
7	Vỏ chai thuốc (Bao bì cứng đã chứa chất khi thải ra là CTNH thải bằng các vật liệu khác)	18 01 04	182,5
8	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải	12 06 05	113.150
	Tổng khối lượng		127.750

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, hàng năm bệnh viện sẽ lấy mẫu để phân tích, nếu trong trường hợp thành phần bùn thải không chứa các nguyên tố kim loại nặng thì sẽ được thu gom, xử lý như chất thải thông thường khác.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Hóa chất thải bỏ không có thành phần nguy hại	1.649,8
2	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào, không có thành phần nguy hại	3.299,6
3	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	2.474,7
4	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại	4.949,4
5	Chất thải y tế có thể tái chế (giấy, báo, bì, thùng carton, vỏ hộp thuốc, can nhựa,...)	4.124,5
Tổng khối lượng		16.498

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	65,99
Tổng khối lượng		65,99

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các loại túi nilong, thùng lưu chứa có nắp đậy phân loại màu sắc theo mã quy định có dung tích từ 5 - 120 lít;

- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 02 kho, diện tích 10m²/kho.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường xây gạch, nền bê tông chống thấm. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Các chất thải rắn y tế thông thường được phân loại vào các thùng chứa có màu sắc theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế - quy định về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Sau đó gom về kho lưu chứa diện tích 10 m²

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn; sau khi phân định không có thành phần nguy hại bùn thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt tại các tầng có nắp đậy dung tích 5-12 lít; thùng lưu chứa có dung tích từ 120 -240 lít;

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực tập kết lưu giữ chất thải sinh hoạt: Diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có mái che, nền bê tông chống thấm.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn y tế thông thường, bùn thải, chất thải y tế nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố đối với nước thải và sự cố khác theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-C của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình như sau:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

2.1. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân của công nhân xây dựng: thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm ($V = 3,0 \text{ m}^3$), sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân xây dựng được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (1060x850x1980 mm). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) đem đi xử lý.

- Nước thải xây dựng: Thu gom bằng rãnh thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm $V = 3,0 \text{ m}^3$ dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm trong bể bố trí phao quây thu vớt dầu (vị trí hố lắng được bố trí gần công ra vào dự án). Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường, vớt dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

2.2. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp sau:

- Đối với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế từ hoạt động của bệnh viện hiện trạng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất 250 m³/ngày để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra mạng thoát nước chung của khu vực (tại góc phía Bắc của bệnh viện), tọa độ: X= 2187474(m) ; Y = 580588 (m)

- Công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Bể tách rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (GEL) → Bể hiếu khí (Bể bùn hoạt tính) → Bể lắng Lamella → Bể khử trùng → Mạng thoát nước thải chung của thành phố (Dọc theo đường Đại lộ CSEDP phía Bắc bệnh viện).

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

3.1. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển (đường Hải Thượng Lãn Ông, đường QL45,...). Dùng xe téc 5 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại các tuyến đường qua khu dân cư lân cận.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Sử dụng cổng phụ để ra vào, vận chuyển nguyên vật liệu để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động khám của bệnh của bệnh viện hiện hữu

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ nghỉ ngơi của bệnh nhân.

- Xây dựng tường tôn chắn xung quanh khu vực xây dựng kích thước 2.000m x2,5m để giảm thiểu phát tán bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng đến các công trình xung quanh và hoạt động khám chữa bệnh.

3.2. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp sau:

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý mùi hôi từ các bể của trạm xử lý nước thải hiện trạng.

- Xử lý mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn tại nhà khoa dinh dưỡng hiện trạng, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh.

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường và nguy hại

4.1. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng (dung tích từ 30 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại. Toàn bộ rác thải sinh hoạt đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 1 ngày/lần.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

- + Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- + Chất thải rắn trong quá trình phá dỡ hiện trạng: thu gom, vận chuyển đến bãi thải của dự án

- + Các loại chất thải rắn như đá thải, gạch hư hỏng, xi măng hỏng,... thu gom riêng, vận chuyển vận chuyển đến bãi thải của dự án.

- + Chất thải rắn thông thường khác sẽ được thu gom và đem đến kho lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời khoảng 5m² góc phía Tây dự án để lưu giữ. Tại kho lưu giữ bố trí 3 thùng nhựa có dung tích 120 lít để lưu giữ và phân loại chất thải, kho lưu giữ được bố trí có mái che, quây kín tránh mưa tránh nắng.

- + Bùn cặn và nước thải từ bể tự hoại phá dỡ: hợp đồng với Công ty CP môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa hút, thu gom và vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- + Bãi đổ thải của dự án là bãi đất trống tại trang trại của bà Nguyễn Thị Yến, tại thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng cách đến dự án là khoảng 19km.

4.2. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các giải pháp như sau:

- Tổ chức thu gom, phân loại chất thải rắn phát sinh ngay tại nguồn theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt (diện tích 10m²). Hợp đồng với có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải y tế thông thường và chất thải y tế có khả năng tái chế được thu gom, lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải y tế thông thường (diện tích 10m²). Một phần bán cho đơn vị tái chế, một phần hợp đồng với Bệnh viện Nhi Thanh Hóa xử lý theo quy định.

- Đối với các loại chất thải nguy hại gồm bóng đèn neon hỏng, pin, ắc quy, chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn, chai lọ thủy tinh... thu gom riêng, lưu giữ tại khu

vực lưu giữ chất thải lây nhiễm của bệnh viện (02 khu vực, 10m²/khu vực). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn, thu gom và phân loại bằng các túi đựng rác chuyên dụng theo quy định của Bộ Y tế và thu gom riêng, lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải lây nhiễm của bệnh viện (02 khu vực, 10m²/khu vực). Hợp đồng với Bệnh viện Nhi Thanh Hóa xử lý theo quy định.

- Chất thải giải phẫu (u, mô bệnh phẩm, rau thai) thu gom vào 05 tủ bảo ôn dung tích 240 lít, lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải lây nhiễm của bệnh viện (02 khu vực, 10m²/khu vực). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Chỉ được chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa và Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa có trách nhiệm:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh và kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K =1,0. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường

8. Sau khi hoàn thành việc xây dựng toàn bộ dự án, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm bàn giao công trình cho Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa quản lý, vận hành; phối hợp với Bệnh viện báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thanh Hóa để được xem xét cấp đổi giấy phép môi trường hoặc cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định./.